

Số: 01/Q -C KTTC

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 01 năm 2011

QUY ĐỊNH

Ban hành “Chiến lược phát triển nhà trường, giai đoạn 2011-2015”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH VĨNH LONG

- Căn cứ quy định số 4383/Q -BGD& T-TCCB ngày 03/08/2004 về việc thành lập trường Cao học Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long.
- Căn cứ quy định số 179/Q -BGD T ngày 11-01-2010 và Phê duyệt Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-BCS ngày 6-01-2010 của Ban cán sự Đảng Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ quản lý giáo dục học giai đoạn 2010-2012.
- Căn cứ Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 về nhiệm vụ quản lý giáo dục học giai đoạn 2010-2012 của Thủ tướng Chính phủ.
- Căn cứ văn bản số 4025/UBND-VHXH ngày 30 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho lập dự án đầu tư thành lập Trường học Kinh tế Vĩnh Long.

QUY ĐỊNH

Điều I: Ban hành “Chiến lược phát triển nhà trường, giai đoạn 2011-2015” của Trường Cao học Kinh tế -Tài chính Vĩnh Long.

Điều II: Chiến lược này làm nền tảng phát triển nhà trường, là mục tiêu cho toàn bộ hoạt động của trường, làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho các giai đoạn ngắn hạn (1 năm); xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của trường.

Điều III: Chiến lược này có triển khai thực hiện từ tháng 1/2011.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)
Đàn Mạnh Hòa

Nhiệm vụ:

- Bộ GDĐT (B/c).
- UBND tỉnh VL, Sở GDĐT VL, Sở KHĐT VL (B/c)
- Ngành, BGH Trường
- Phòng, Khoa, BM (TT)
- Lưu VT.

PH N M U

1. Gi i thi u Tr ãng cao ãng Kinh t - Tài chính V ãnh Long:

Tr ãng Cao ãng Kinh t - Tài chính V ãnh Long ã thành l p theo Quy t ãnh s 4383/Q -BGD& T-TCCBTT ngày 03/08/2004 c a B Tr ãng B giáo d c và ào t o trên c s Tr ãng Trung h c Kinh t - Tài chính V ãnh Long (thành l p n m 1976).

a ch :

- S 01B ãng Nguy n Trung Tr c, Ph ãng 8, TP V ãnh Long, t ãnh V ãnh Long.
- Thành l p: n m 2004
- Tên ti ãng Anh: VinhLong College of Economics and Finance (VCEF)
- i n tho i: 0703 823359
- Website: www.vcef.edu.vn
- E.mail: tochuc@vcef.edu.vn
- C quan ch qu n: UBND t ãnh V ãnh Long.

V trí c a Tr ãng: là m t tr ãng cao ãng tr c thu c t ãnh, ào t o nhân l c qu n lý kinh t có trình cao ãng, TCCN cho t ãnh V ãnh Long và các t ãnh khu v c BSCL.

2. M c ích xây d ãng chi n l c phát tri n Tr ãng Cao ãng Kinh t - Tài chính V ãnh Long giai o n 2010 - 2015:

Trong b i c ãnh h i nh p kinh t toàn c u làm xu t hi n nhi u c h i phát tri n c ãng nh ãng thách th c trong quá trình phát tri n i v i giáo d c i h c nói chung và c a Tr ãng Cao ãng Kinh t -Tài chính V ãnh Long nói riêng. Chính vì v y, Tr ãng Cao ãng Kinh t -Tài chính V ãnh Long ph i xây d ãng k ho ch chi n l c giai o n 2011-2015.

3. Vai trò, v trí c a chi n l c trong quá trình xây d ãng và phát tri n tr ãng:

V n b n chi n l c nh m ãnh h ãng cho m i ho t ãng c ãng nh các chính sách phát tri n c a Tr ãng Cao ãng Kinh t -Tài chính V ãnh Long giai o n 2011-2015 và t m ãnh n 2020 th c hi n s m ãng và m c tiêu c a tr ãng; là công c qu n lý h u hi u c a tr ãng nh m t ãng b c chuy n sang ph ãng th c qu n lý chi n l c; làm c s ho ch ãnh chính sách và l p k ho ch xây d ãng, phát tri n tr ãng trong t ãng giai o n ãng n h n, trung h n và dài h n; có vai trò quan tr ãng nh m t v n b n có tính pháp quy c a tr ãng.

4. Các c n c , c s pháp lý xây d ãng v n b n chi n l c:

- Lu t Giáo d c c Qu c h i n c C ãng hòa xã h i ch ãng a Vi t Nam khóa XI, k h p th 7 thông qua ngày 14 tháng 6 n m 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Đào tạo khóa XII, kế hoạch số 44/2009 QH12 ngày 25/11/2009.

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về cải thiện và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020;

- Văn bản số 4025/UBND-VHXH ngày 30 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho lập dự án đầu tư thành lập Trường Đại học Kinh tế Vĩnh Long.

- Ngoài ra còn đưa vào kế hoạch của các hình thức, hình thức và hình thức khác, phương pháp dạy học, và kỹ năng xã hội, và nâng cao năng lực quản lý của CBGV nhà trường.

5. Giá trị số lượng và nhân lực:

- Làm nền tảng phát triển nhà trường trong tương lai, là mục tiêu cho toàn bộ hoạt động của trường, làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho các giai đoạn ngắn hạn (1 năm); xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của trường;

- Làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh các cấp quản lý trường;

- Làm cơ sở giám sát, kiểm tra, đánh giá kế hoạch và điều chỉnh các mặt hoạt động của trường một cách minh bạch.

5. Kế hoạch và nhân lực phát triển trong 4 năm:

- Phân tích thực trạng trường;

- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức;

- Sứ mệnh và tầm nhìn của trường;

- Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển và giải pháp.

PH N I

1. TH C TR NG TR NG CAO NG KINH T - TÀI CHÍNH V NH LONG N N M 2010 .

1.1. T ch c b máy và i ng :

1.1.1. T ch c b máy :

- BGH
- 7 Phòng ch c n ng, nghi p v , 4 Khoa ào t o, 4 B môn tr c thu c, 3 trung tâm tr c thu c.

1.1.2. i ng

T ng s cán b , công ch c hi n có là 98 ng i. Trong ó:

- 34 cán b qu n lý
- 64 gi ng viên; 01 Ti n s ; có 21 Th c s (có 4 ang là NCS). GV có trình sau i h c tt l 35,4%.

1.2. Ngành ào t o

Trình	Ngành
Cao ng	- Ngành: Tài chính ngân hàng; Tài chính nhà n c. - Ngành: Qu n tr kinh doanh; Qu n tr d ch v du l ch và l hành; Marketing; Qu n tr nhân l c; H th ng thông tin qu n lý. - Ngành: K toán
TCCN	- Ngành Tài chính ngân hàng: Ngân hàng; Ngân sách-Thu ; B o hi m - Ngành K toán: K toán DNSX; K toán Th ng m i d ch v ; K toán HCSN; K toán HTX. - Ngành Qu n tr kinh doanh: Qu n tr doanh nghi p; Marketing.

1.3. Công tác m b o ch t l ng ào t o

- Nhà tr ng ã Công b chu n u ra các ngành ào t o trình cao ng và TCCN, gi i pháp th c hi n chu n u ra.

- Báo cáo th c hi n qui ch công khai (công khai cam k t ch t l ng giáo d c; công khai các i u ki n m b o ch t l ng, công khai thu chi tài chính) hàng n m theo quy nh.

1.4. Nghiên c u khoa h c

- n n m 2010, CBGV th c hi n 6 tài c p tr ng, 02 tài c p c s , th c hi n 15 lu n v n th c s , 01 lu n v n ti n s .

- Có 7 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước (nh : Tạp chí Kinh tế phát triển, Công nghệ ngân hàng, Tạp chí Thống kê, tạp chí Kỹ thuật toán).

1.4.4. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin:

- Có hệ thống mạng nội bộ (LAN), ph sóng internet không dây toàn trường, 30 máy tính làm việc, 12 máy chiếu đa năng (projector) gắn cố định trong phòng học và giảng đường, 120 máy tính dành cho giảng dạy.

1.5. Hợp tác và liên kết đào tạo

1.5.1. Hợp tác quốc tế

Có mối quan hệ hợp tác với Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Vân Nam (Trung Quốc), gần 2 GV ào tạo trình độ Thạc sĩ. Nhà trường đã xây dựng phòng học hợp tác quốc tế giai đoạn 2010-2015 và đang triển khai thực hiện.

1.5.2. Hợp tác liên kết đào tạo

- Nhà trường liên kết với các trường Đại học (Đại học Kinh tế TP HCM, Đại học Ngân hàng TP HCM, Đại học Bình Dương) hàng năm mở các lớp Đại học và làm việc tại Văn phòng; liên kết với các Trường, Trung tâm tại các tỉnh (Cà Mau, Trà Vinh...) mở các lớp Trung cấp.

- Ngoài ra, trường còn liên kết mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức như : Quản lý Nhà nước chuyên viên, Tin học cho cán bộ ngành thuế ...

1.6. Cơ sở vật chất

1.6.1. Phòng học, phòng thực hành, thể thao, ký túc xá, khu thể thao.

Diện tích mặt bằng hiện có là 1,5 ha; có 33 giảng đường và phòng học; 5 phòng máy tính, khu nhà Thể thao - thể dục với diện tích 2.300 m² sân cỏ, có 2 khu nhà ký túc xá sức chứa 480 chỗ ở trang bị đầy đủ hoàn chỉnh, hiện trường, quần thể, tiện nghi, công trình khép kín. Có 1 nhà tập luyện thể thao với diện tích 129 m² (chưa có khu thể thao).

Đã kiến m mở rộng trường thêm 4,5 hecta vào năm 2011.

1.6.2. Trang thiết bị, phòng thí nghiệm, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học.

Có 30% số phòng học, giảng đường có trang bị Projector và màn chiếu hiện đại; 1 phòng Lab 48 cabin.

Có hơn 80% phòng học, giảng đường có trang bị hệ thống âm thanh; 4 phòng thực hành máy tính với hơn 120 máy tính kết nối mạng Internet; ph sóng Wifi toàn trường, mở rộng việc trao đổi thông tin, dữ liệu trong mạng Intranet của trường.

1.7. Tài chính:

Nguồn tài chính của nhà trường chủ yếu từ Ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu từ hoạt động sản xuất.

Quyển lý tài chính m b o úng các quy nh hi n hành c a Nhà n c, m b o s minh b ch, công khai. Chi tiêu theo Quy ch chi tiêu n i b .

ánh giá chung:

- t c nh ng thành t u nh t nh trong tuy n sinh, t ng quy mô ào t o, phát tri n ngành ngh ào t o, k t qu ào t o, ào t o i ng CBGVCC, nâng cao n ng l c quy n lý và i u hành nhà tr ng.

- H n ch : trong các l nh v c nghiên c u khoa h c, h p tác qu c t .

2. S M NG VÀ T M NHÌN N N M 2020:

2.1 S m ng:

S m ng c a Tr ng Cao ng Kinh T - Tài chính V nh Long là ào t o ngu n nhân l c t chu n u ra, t ch c nghiên c u khoa h c và th c nghi m, chuy n giao, cung ng d ch v v l nh v c kinh t và quy n lý ph c v phát tri n kinh t - xã h i c a t n c.

2.2 T m nhìn n n m 2020

n n m 2020 tr thành tr ng i h c Kinh t V nh Long, ào t o và nghiên c u khoa h c có uy tín trong n c.

3. CHI N L C PHÁT TRI N TR NG CAO NG KINH T - TÀI CHÍNH V NH LONG GIAI O N 2011- 2015.

3.1. M c tiêu phát tri n nhà tr ng:

Thành l p tr ng i h c Kinh t V nh Long có n ng l c c nh tranh cao và thích ng h i nh p toàn c u.

3.2. Chi n l c phát tri n nhà tr ng

3.2.1. Chi n l c phát tri n ào t o

3.2.1.1. M c tiêu phát tri n ào t o:

- ào t o t chu n nh nhà tr ng ã cam k t.
- M r ng ngành ngh ào t o, gi v ng các ngành ào t o là th m nh c a tr ng.

3.2.1.2. m b o ch t l ng ào t o và chu n u ra, g n ào t o v i áp ng nhu c u xã h i.

- m b o ch t l ng ào t o: Kh c ph c các tiêu chí trong ki m nh ch t l ng ch a t yêu c u; th c hi n công tác kh o thí theo quy nh.

- Chu n u ra, g n ào t o v i áp ng nhu c u xã h i: Cùng v i các nhà tuy n d ng ánh giá th c hi n chu n u ra mà nhà tr ng ã cam k t.

3.2.1.3. Gi i pháp th c hi n

- nh k rà soát, i m i ch ng trình ào t o, n i dung gi ng d y trên c s ý ki n óng góp c a gi ng viên, c a sinh viên và c a i đi n c u sinh viên, và c a các nhà tuy n d ng;

- Th ng xuyên i m i n i dung và ph ng pháp gi ng d y, h c t p.

- Đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng các cách quản lý, điều hành dạy và học;
- Tăng cường năng lực cá nhân giảng viên dạy, quản lý, phục vụ công tác đào tạo thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp, mở rộng ngân sách nhà trường tiếp cận nhanh, thực hiện tốt yêu cầu áp dụng, nâng cao chất lượng thi kết quả.

3.2.2. Chỉ tiêu nâng cao năng lực học tập NCKH

3.2.2.1. Mục tiêu nâng cao năng lực học tập NCKH

- Nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên;
- Phát triển mối quan hệ giữa trường và các tổ chức kinh tế - xã hội thông qua hoạt động hợp tác nghiên cứu;
- Chuyển giao các kết quả NCKH cho các tổ chức, doanh nghiệp;
- Góp phần áp dụng các chương trình đào tạo dựa trên nhu cầu kết quả NCKH;
- Nâng cao năng lực quản lý cá nhân;
- Thu hút các nguồn lực xã hội cho công tác NCKH và đóng góp vào ngân sách cá nhân.

3.2.2.2. Giải pháp nâng cao năng lực học tập NCKH

- Tổ chức các hình thức hoạt động NCKH đa dạng nhằm thúc đẩy công tác NCKH.
- Xây dựng từng bước công tác quan hệ hợp tác trong hoạt động NCKH với các tổ chức kinh tế - xã hội nhằm tận dụng, chuyển giao kết quả NCKH;
- Khuyến khích hoạt động NCKH với hoạt động đào tạo.
- Có kế hoạch tổ chức công tác quản lý hoạt động NCKH;

3.2.3. Chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực

3.2.3.1. Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực

Chất lượng giảng viên là danh tiếng của nhà trường.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy và sinh viên, giỏi về chuyên môn lý thuyết và thực tế, có năng lực tiếp cận với những kiến thức hiện đại, có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, có phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo, tận tụy và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục;

- Mở rộng tiếp nhận giảng viên/sinh viên theo quy chuẩn.

- Đào tạo ứng dụng có tài, mở rộng khả năng và phát triển vững chắc thực hiện tốt mục tiêu chỉ tiêu phát triển cá nhân;

3.2.3.2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tạo điều kiện cán bộ, giảng viên, công chức nhà trường học tập, bồi dưỡng về chính trị và pháp luật;

- Công cụ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn ngành, chức danh nhiệm vụ.

- Mời các cán bộ khoa học tham gia vào công tác giảng dạy và thực hành. Sản phẩm có hiệu quả đội ngũ cán bộ giảng dạy học sinh và thực hành.

- Tích cực tìm nguồn tài trợ từ các bên ngoài, các cán bộ giảng dạy thực hành và nghiên cứu;

- Nâng cao năng lực đội ngũ hành chính, nâng cao trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý (tinh thần, ngoại ngữ, quản lý...). Tổ chức khuyến khích cho cán bộ, công chức quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; làm việc có hiệu quả và thực hiện tốt quy chế dân chủ;

- Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp, bố trí tính khả thi, dân chủ và công khai;

3.2.4. Chỉ tiêu phát triển cơ sở vật chất

3.2.4.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất

- Mở rộng diện tích mặt bằng, xây dựng trên diện tích mở rộng theo hướng thực hiện hiện tại.

- Ưu tiên phát triển kỹ thuật, thiết bị giảng dạy tiên tiến, hiện đại, phù hợp và nâng cao quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH, mở rộng hiệu quả công tác giảng dạy, không lãng phí công nghệ.

3.2.4.2. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất.

- Tập trung chi tiêu vốn hoàn thành thiết bị đầu tư mở rộng trường;

- Lập kế hoạch trang bị các phòng, thiết bị, phần mềm mô phỏng học tập các ngành mở rộng nhu cầu thực hành của sinh viên, học viên, mở rộng nhu cầu nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.

3.2.5. Chỉ tiêu phát triển nguồn lực tài chính

3.2.5.1. Mục tiêu phát triển nguồn lực tài chính

Chỉ tiêu phát triển nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long. Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhập mở rộng các hoạt động của nhà trường, gồm: Học phí, nguồn thu từ hoạt động ngoài giờ, ngân sách Nhà nước cấp, tài trợ các doanh nghiệp, dịch vụ.

3.2.5.2. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính:

- Đa dạng hóa nguồn tài chính; khai thác hiệu quả các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường;

- Tăng cường, mở rộng hoạt động ngoài giờ, các hoạt động dịch vụ;

- Tìm kiếm các tác nhân các hoạt động liên kết trong hoạt động nhằm tăng thêm nguồn thu;

- Tỉn hành kh o sát nhu c u chi qu n lý hành chính, làm c s khoán kinh phí cho các n v , tỉ t kì m t i a chi phí qu n lý hành chính.

3.2.6. Phát tri n th ng hi u và v n hóa nhà tr ng .

3.2.6.1.Th ng hi u:

- Ch t l ng ào t o là y u t nuôi d ng và phát tri n th ng hi u.
- Quãng bá nhà tr ng qua: Website, brochure (n ph m qu ng cáo), t r i t v n tuyen sinh. Tham gia các s ki n, các ho t ng c a ngành, c a c ng ng .

3.2.6.2.V n hóa:

- ng x thân thi n trong CBGVCC và SVHS.
- Gi gìn môi tr ng trong s ch lành m nh, nhà tr ng xanh, s ch, p.
- Xây d ng quy nh v v n hóa công s trong nhà tr ng.

PH N K T L U N

Trong s nghi p công nghi p hoá - hi n i hoá t n c hi n nay, nhi u l nh v c trong kh i kinh t òi h i s l ng l n nhân l c trình cao, trong quá trình th c hi n chi n l c giai o n 2011-2015, ng th i nhà tr ng l p án ut thành l p tr ng i h c Kinh t V nh Long và xây d ng thành tr ng i h c có uy tín trong ào t o và nghiên c u khoa h c, có kh n ng c nh tranh và h i nh p toàn c u, ào t o áp ng nhu c u nhân l c v s l ng và ch t l ng trong th i k m i.